

Chị N và anh G tự nguyện chung sống với nhau năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 02/5/2007. Thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cự cãi nhau nên ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn với anh G.

Con chung tên Hứa Hoàng S, sinh ngày 22/3/2008 và Hứa Như Y, sinh ngày 09/11/2017. Hiện con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung nng không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị N và anh G tự thỏa thuận; nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị N và anh G chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do chị N và anh G chung sống không còn hạnh phúc và ly thân từ tháng 01/2020 nên cần xử lý cho anh chị được ly hôn; con chung hiện chị N nuôi dạy nên cần giao chị N tiếp tục nuôi dạy, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hứa Văn G. Do chị N và anh G chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh G có địa chỉ tại ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh G nhưng anh G không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị N và vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh G theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Hứa Văn G tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 02/5/2007. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N yêu cầu ly hôn với anh G. Xét thấy, yêu cầu của chị N là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và ly thân tháng 01/2020 đến nay. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh G vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Hứa Văn G được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Hứa Hoàng S, sinh ngày 22/3/2008 (giới tính nam) và Hứa Như Y, sinh ngày 09/11/2017 (giới tính nữ). Xét thấy, việc chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dạy là có căn cứ. Bởi vì, con chung hiện chị N nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con chung sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của các cháu. Tại bản tự khai ngày 17/12/2019 và biên bản ghi lời khai ngày 19/12/2019 của cháu S thì cháu S có yêu cầu và nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị N. Do cháu S đã trên 07 tuổi nên yêu cầu và nguyện vọng của cháu là phù hợp theo pháp luật, được pháp luật bảo vệ. Riêng cháu Y còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, là nữ nên việc giao cho chị N nuôi dạy là phù hợp. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho anh G biết yêu cầu của chị N nhưng anh G không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị N. Vì vậy cần tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định thời gian chung sống anh chị có tài sản chung nhưng anh chị tự thỏa thuận, nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với anh Hứa Văn G.

2. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Hứa Văn G được ly hôn.

3. Về con chung: Giao con chung tên Hứa Hoàng S, sinh ngày 22/3/2008 (giới tính nam) và Hứa Như Y, sinh ngày 09/11/2017 (giới tính nữ) cho chị Nguyễn Thị Tuyết N tiếp tục nuôi dạy. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh G không trực tiếp nuôi dạy con chung nng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết N và anh Hứa Văn G tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết N phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 10 tháng 12 năm 2019 chị N có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0010799 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho chị N biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh G vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang